TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2023
Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Hà Thị Kim Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ X, ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hà Ngọc S, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị H và anh Hà Ngọc S quen biết nhau do có người mai mối, sau đó hai bên tự tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân, được

hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 03/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến khoảng cuối tháng 4/2020 giữa chị và anh S phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cự cãi nhau, anh S không lo làm ăn và không quan tâm, chăm lo cho chị. Nên đến ngày 15/8/2020, chị và anh S ly thân và chị về sống tại nhà cha mẹ ruột tại tổ 7, ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cho đến nay. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Ngọc S.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh S có một con chung tên Hà Bùi Văn Đ, sinh ngày 08/01/2021. Hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác nhận quá trình chung sống chị và anh S không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Hà Ngọc S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh S đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuy nhiên, Tòa án có tiến hành làm việc với mẹ ruột của anh Sơn tên Phạm Thị Nh, bà Nh cho biết: Hà Ngọc S vẫn còn hộ khẩu tại ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, hiện nay S đang đi ghe biển ở Vũng Tàu, vẫn thường về nhà để thăm cha mẹ và con. Trong quá trình chung sống giữa H và S có một người con chung tên Hà Bùi Minh Đ, sinh ngày 08/01/2021, H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ.

Các văn bản tố tụng do Tòa án giao cho bà Nh, bà Nh có Thông báo lại cho S, nhưng do S mới về nhà được vài ngày và tiếp tục đi ghe biển, nên không thể có mặt tại Tòa án theo thời gian được ấn định trong các văn bản tố tụng. Đối với việc H xin ly hôn với S, S có nói với bà Nh, nếu vợ chồng không thể sống được với nhau, thì đồng ý ly hôn với chị H.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa trình bày như sau:

- Việc thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Hà Ngọc S, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc tống đạt văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Hà Ngọc S.

Về con chung: Giao cháu Hà Bùi Minh Đ, sinh ngày 08/01/2021 cho chị Bùi Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà HĐXX nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn chị Bùi Thị H yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Hà Ngọc S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Hà Ngọc S có nơi cư trú tại ấp TH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Bùi Thị H và anh Hà Ngọc S quen biết nhau do có người mai mối, sau đó hai bên tự tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 03/3/2020. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh S thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh S có phát sinh mâu thuẫn, mà theo chị H cho rằng giữa chị và anh S phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cự cãi nhau, là do anh S không lo làm ăn và không quan tâm, chăm lo cho chị, nên đến ngày 15/8/2020, chị và anh S ly thân và chị về sống tại nhà cha mẹ ruột tại tổ 7, ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cho đến nay. Chị H cũng xác định trong thời gian chị và anh S sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh S không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị H đoàn tụ gia đình, nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn với anh S. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhiều lần, nhưng anh S vẫn vắng mặt.

Tuy nhiên, Tòa án có làm việc với mẹ ruột của anh S là bà Phan Thị Nh, thì bà Nh cho biết các văn bản tố tụng của Tòa giao cho S, bà có Thông báo cho S, qua trao đổi giữa bà Nh và S, thì S đồng ý ly hôn với chị H và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt S, do S bận đi ghe biển, nên không thể có mặt tại Tòa án.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh S là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Hà Ngọc S.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh S có một con chung tên Hà Bùi Minh Đ, sinh ngày 08/01/2021. Hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, từ khi chị H và anh S sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và hiện cháu Đ phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu Đ phát triển tốt

về mọi mặt, nên tiếp tục giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Bùi Minh Đ, sinh ngày 08/01/2021 là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác nhận giữa chị và anh S không tài sản chung, không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Hà Ngọc S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Hà Bùi Minh Đ, sinh ngày 08/01/2021 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Bùi Thị H nuôi con, anh Hà Ngọc S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H xác nhận giữa chị và anh Hà Ngọc S không tài sản chung, không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009924 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị H không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- UBND xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lâm Nguyễn Thanh Huy